

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH

Số: 53 /2023/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày 02 tháng 10 năm 2023

### NGHỊ QUYẾT

**Quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội về hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc



*Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 giai đoạn I, từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 1922/TTr-UBND, ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến các Chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó:

1. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 và điểm a khoản 3 Mục III, Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Điều 2 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH; Điều 2 Thông tư 04/2022/TT-BNNPTNT và khoản 11 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

2. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện theo quy định tại nội dung số 01 điểm b khoản 3 Mục III, Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; khoản 9 và khoản 10 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-UBND và khoản 11 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.



**Điều 3. Nguyên tắc và phương thức hỗ trợ**

1. Nguyên tắc quản lý hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện theo khoản 11 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Phương thức hỗ trợ thực hiện theo khoản 12 và khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

3. Những đối tượng được hưởng hỗ trợ tại Nghị quyết này, nếu đang hưởng các hỗ trợ ưu đãi khác không trùng với nội dung hỗ trợ tại Nghị quyết này thì tiếp tục hưởng các hỗ trợ đó; nếu trùng với các nội dung hỗ trợ trong Nghị quyết này từ các nguồn ngân sách khác thì không xem xét hỗ trợ.

**Điều 4. Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất**

1. Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất:

Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Tối đa 400 triệu đồng/dự án, kế hoạch, phương án.

Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 59/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2. Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các đối tượng tham gia dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất:

Hỗ trợ hộ nghèo: Tối đa 14 triệu đồng/hộ;

Hỗ trợ hộ cận nghèo: Tối đa 12 triệu đồng/hộ;

Hỗ trợ hộ mới thoát nghèo: Tối đa 10 triệu đồng/hộ (hộ mới thoát nghèo trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo).

Hỗ trợ cho người khuyết tật (không có sinh kế ổn định); đối tượng sinh sống trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn: Tối đa 8 triệu đồng/hộ.

**Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện và quản lý, sử dụng kinh phí**

1. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn vốn sự nghiệp ngân sách trung ương giao thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn sự nghiệp đối ứng của ngân sách tỉnh.

2. Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.



## **Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp và áp dụng văn bản dẫn chiếu**

1. Các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất được phê duyệt và cấp định mức trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành và phù hợp với quy định của pháp luật thì tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

2. Khi các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

## **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 02 tháng 10 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động-Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế các Bộ: NNPTNT, LĐTĐ, TC, KHĐT;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Quảng Bình, Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu VT.

**CHỦ TỊCH**

**Trần Hải Châu**